

**CÔNG TY CỔ PHẦN LÂM ĐẶC SẢN XUẤT KHẨU QUẢNG NAM**

**TÓM TẮT**  
**PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ RỪNG**  
**Công ty Forexco Quảng Nam**  
**(Giai đoạn 2022 – 2036)**  
**(Cập Nhật)**



Tháng 4 năm 2026

# Phần 1

## MỞ ĐẦU

### **1. Khái quát chung về công tác quản lý bảo vệ, phát triển rừng đảm bảo mục đích sử dụng rừng**

Sau khi sáp nhập các tỉnh thành theo Nghị quyết 202/2025/QH15 của Quốc hội thì Thành phố Đà Nẵng (sáp nhập 2 tỉnh Quảng Nam và Đà Nẵng) là thành phố thuộc miền Trung, có diện tích tự nhiên 1.185.959 ha, trong đó: diện tích đất có rừng là 744.481 ha, độ che phủ đạt 58,04%. Toàn bộ diện tích rừng và đất lâm nghiệp được UBND thành phố giao hoặc cho các tổ chức, cơ quan nhà nước, cá nhân thuê để quản lý bảo vệ, sử dụng và phát triển rừng.

Công ty Cổ phần Lâm đặc sản Xuất Khẩu Quảng Nam là doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Đà Nẵng hoạt động kinh doanh chủ yếu trong lĩnh vực gỗ rừng trồng và chế biến gỗ, hiện nay đã trồng được gần 1.000 ha rừng sản xuất và sản lượng gỗ khai thác hàng năm cung ứng cho thị trường khoảng 10-20 nghìn m<sup>3</sup> gỗ các loại. Các sản phẩm gỗ rừng trồng của Công ty đã được tổ chức Woodmark (Hiệp hội đất - Anh Quốc) cấp chứng chỉ rừng mã số: SA-FSC/CoC-003751 từ năm 2012. Năm 2022, tổ chức chứng nhận Soil Association (tiếng Việt là Hiệp hội Đất – tên mới của tổ chức Woodmark), cấp lại chứng chỉ rừng lần 3, với mã số: SA-FSC/CoC-003751.

### **2. Sự cần thiết phải xây dựng phương án**

Xây dựng phương án quản lý rừng bền vững là yêu cầu bắt buộc đối với công tác bảo vệ, sử dụng và phát triển rừng của các tổ chức được nhà nước cho thuê rừng, giao rừng theo quy định của Luật Lâm nghiệp năm 2017, Nghị định 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ, Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của BNN&PTNT về quản lý rừng bền vững. Thông tư 13/2023/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2023 của BNN&PTNT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018

Công ty Cổ phần Lâm đặc sản Xuất Khẩu Quảng Nam cam kết thiết lập và duy trì lâu dài hệ thống quản lý rừng bền vững, xây dựng và thực hiện các chính sách tuân thủ quy định về quản lý rừng bền vững của FSC® nhằm đạt các mục tiêu sau:

1. Môi trường được bảo vệ, duy trì các giá trị hiện hữu, từng bước cải thiện, nâng cao các giá trị môi trường theo luật pháp của quốc gia và yêu cầu của quốc tế.
2. Xã hội phát triển, đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ công nhân viên và của cộng đồng địa phương được nâng cao từ các hoạt động quản lý rừng và sản xuất kinh doanh của Công ty.
3. Các nguồn tài nguyên rừng và đất rừng được sử dụng hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế của Công ty và Cộng đồng địa phương.

# Chương 1

## CĂN CỨ XÂY DỰNG PHƯƠNG ÁN

### I. CHÍNH SÁCH VÀ PHÁP LUẬT CỦA NHÀ NƯỚC

#### 1. Văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương

Chính sách và pháp luật của nhà nước có liên quan đến công tác quản lý rừng được sắp xếp theo thứ tự hiệu lực pháp lý từ cao xuống thấp; bao gồm:

a. Các văn bản Luật của Nhà nước;

- Luật Phòng cháy chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15 được Quốc hội thông qua ngày 15/5/2024;

- Luật đa dạng sinh học số 20/2008/QH12 ngày 13/11/2008, Văn bản hợp nhất số 32/VBHN-VPQH ngày 10/12/2018;

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

- Bộ Luật Lao động số 45/2019/QH14 ngày 20/11/2019.

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/20/QH14 ngày 17/11/2020

- Luật Bảo hiểm xã hội số 41/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

- Luật Doanh nghiệp năm 2020 số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

- Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 Số 83/2015/QH13;

- Luật An toàn vệ sinh lao động năm 2015 số 84/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

- Luật Dân sự năm 2015 số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

- Luật trồng trọt số 31/2018/ QH14 ngày 19/11/2018.

b. Quyết định số 523/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 ;

c. Nghị định của Chính phủ;

- Nghị định số 145/2020/NĐ-CP về thi hành một số điều của luật lao động tiền lương;

- Nghị định số 102/2024/NĐ-CP: Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP: Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường quy định một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

- Nghị định 47/2021/NĐ-CP về quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp;

- Nghị định 158/2025/NĐ-CP quy định một số điều của Luật bảo hiểm xã hội;

- Nghị định số 88/2020/NĐ-CP quy định về An toàn vệ sinh lao động;

- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;

- Nghị quyết 39/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050, kế hoạch sử dụng đất quốc gia 5 năm 2021-2025.

- Một số Nghị định liên quan khác;

d. Quyết định, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ

- Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01/10/2018 phê duyệt đề án quản lý rừng bền vững và chứng chỉ rừng

- Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12/7/2022 phê duyệt chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025;

- Quyết định 896/QĐ\_TTG ngày 26/7/2022 về phê duyệt chiến lược quốc gia về biến đổi khí hậu đến 2050.

- Và một số Quyết định khác có liên quan của Chính phủ;

e. Quyết định/Thông tư của các Bộ, Ngành trung ương

- Thông tư 13/2023/TT-BNNPTNT về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 28/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của BNN&PTNT về quản lý rừng bền vững;

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 26/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của BNN&PTNT về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản;

- Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của BNN&PTNT về quản lý rừng bền vững;

- Thông tư số 29/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của BNN&PTNT quy định về biện pháp lâm sinh

- Thông tư số 31/2018/TT-BNNPTNT quy định về phân định ranh giới rừng;

- Thông tư số 33/2018/TT-BNNPTNT quy định về điều tra, kiểm kê và theo dõi diễn biến rừng;

- Thông tư số 08/2024/TT-BTNMT quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất.

- Thông tư 22/2021/TT-BNNPTNT ngày 29/12/2021 của Bộ NN&PTNT về quy định danh mục loài cây trồng lâm nghiệp chính, công nhận giống và nguồn giống cây trồng lâm nghiệp.

f. Các quy định khác.

## **2. Văn bản của địa phương**

Cơ chế và chính sách của địa phương sở tại có liên quan đến công tác quản lý rừng; bao gồm:

a. Quyết định của cấp có thẩm quyền giao đất giao rừng, thuê đất, thuê khoán rừng cho đơn vị

b. Các Quyết định, hướng dẫn của Công ty;

c. Các quy định quy trình và các văn bản của Công ty khác.

## **II. CAM KẾT QUỐC TẾ**

Những Công ước, cam kết quốc tế mà Việt Nam tham gia ký kết: CITES, ILO, Đa dạng sinh học.

1. Công ước ILO;

- Công ước số 29 năm 1930 của Tổ chức Lao động Quốc tế ban hành ngày 28/6/1930 về lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc.

- Công ước số 87 năm 1948 của Tổ chức Lao động Quốc tế ban hành ngày 09/7/1948 về quyền tự do liên kết và về việc bảo vệ quyền được tổ chức.

- Công ước số 97 năm 1952 của Tổ chức Lao động Quốc tế thông qua ngày 01/7/1949 về di cư để làm việc.

- Công ước số 98 năm 1949 của Tổ chức Lao động Quốc tế ban hành ngày 01/7/1949 về áp dụng những nguyên tắc của quyền tổ chức và thương lượng tập thể.

- Công ước số 100 năm 1951 của Tổ chức Lao động Quốc tế ban hành ngày 29/6/1951 về trả công bình đẳng giữa lao động nam và lao động nữ cho một công việc có giá trị ngang nhau.

- Công ước số 105 năm 1957 của Tổ chức Lao động Quốc tế ban hành ngày 25/6/1957 về xóa bỏ lao động cưỡng bức.

- Công ước số 111 năm 1958 của Tổ chức Lao động Quốc tế ban hành ngày 25/6/1958 về phân biệt đối xử trong việc làm và nghề nghiệp.

- Công ước số 131 năm 1970 của Tổ chức Lao động Quốc tế ban hành ngày 22/6/1970 về ấn định lương tối thiểu, đặc biệt đối với các nước đang phát triển.

- Công ước số 138 năm 1973 của Tổ chức Lao động Quốc tế ban hành ngày 26/7/1973 về Tuổi tối thiểu được đi làm việc.

- Công ước số 141 năm 1975 của Tổ chức Lao động Quốc tế ban hành ngày 21/6/1975 về các tổ chức của những người lao động nông thôn và vai trò của họ trong việc phát triển kinh tế và xã hội,

- Công ước số 142 năm 1975 của Tổ chức Lao động Quốc tế ban hành ngày 23/6/1975 về hướng nghiệp và đào tạo nghề trong việc phát triển nguồn nhân lực.

- Công ước số 143 năm 1975 của Tổ chức Lao động Quốc tế ban hành ngày 24/6/1975 về di trú trong những điều kiện bị lạm dụng và về xúc tiến bình đẳng cơ may và đối xử với người lao động di trú

- Công ước số 155 năm 1981 của Tổ chức Lao động Quốc tế ban hành ngày 22/6/1981 về an toàn lao động và vệ sinh lao động,

- Công ước số 182 năm 1999 của Tổ chức Lao động Quốc tế ban hành ngày 17/6/1999 về nghiêm cấm và hành động khẩn cấp xóa bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất .

- Kiến nghị số 135 năm 1970 của Tổ chức Lao động Quốc tế ban hành ngày 26/5/1970 về ấn định lương tối thiểu .

2. Công ước CITES (Công ước về buôn bán quốc tế các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp)

3. Công ước đa dạng sinh học.

4. Luật LACEY, EUTR, ITTA.

5. Hiệp định VPA/FLEGT.

### **III. TÀI LIỆU SỬ DỤNG**

1. Các loại bản đồ:

- Bản đồ hiện trạng quản lý rừng năm 2025.

2. Số liệu quy hoạch sử dụng đất, sử dụng đất và giao đất của Công ty năm 2009, 2014.

Diện tích đất trồng rừng của Công ty được UBND tỉnh Quảng Nam cho thuê và cấp GCNQSDĐ trên địa bàn 10 xã.

3. Báo cáo đánh giá tác động môi trường (EIA), xã hội (SIA) và rừng có chứa một số giá trị bảo tồn cao (HCVF)

#### **IV. CÁC QUY ĐỊNH CỦA FSC®**

1. Bộ tiêu chuẩn FSC Việt Nam: FSC-STD-VN-01-2018
2. Quy định sử dụng hóa chất của FSC: FSC-STD-30-001 V2-0 EN
3. Quy định sử dụng thương hiệu của FSC: FSC-STD-50-001 (V2-1)

## Chương 2

### ĐẶC ĐIỂM HIỆN TRẠNG CỦA ĐƠN VỊ

#### I. THÔNG TIN CHUNG

##### 1. Thông tin về Công ty

**Tên gọi:** Công ty Cổ phần Lâm Đặc Sản Xuất khẩu Quảng Nam, gọi tắt là “Công ty FOREXCO Quảng Nam”

**Địa điểm văn phòng Công ty:** Khối phố Câu Hà, Phường Điện Bàn Đông, thành phố Đà Nẵng.

**Điện Thoại:** 0235.843667- 843671- 843595- 843569- 843568- 943663

**Địa chỉ Email:** [info@forexco.vn](mailto:info@forexco.vn)

**Website:** [www.forexco.com.vn](http://www.forexco.com.vn)

Diện tích đất rừng của Công ty được Nhà nước giao cho quản lý là 1.306,0 ha đã được cấp chứng chỉ FSC, phân bố rải rác xen kẽ với cộng đồng dân cư, cự ly vận chuyển sản phẩm gỗ rừng trồng về các nhà máy tiêu thụ có bán kính từ 50-120km. Đây là một trong những điều kiện thuận lợi để phát triển liên doanh liên kết với cộng đồng thôn, xã, các hộ gia đình tư nhân, phát triển vùng nguyên liệu gỗ rừng trồng phục vụ cho nhu cầu ngày càng lớn của các nhà máy chế biến gỗ gia dụng, và các nhà máy bột giấy của thành phố trong tương lai.

##### 2. Chức năng nhiệm vụ sản xuất chính của Công ty

Chức năng chủ yếu của Công ty: Khai thác và chế biến gỗ, Trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng.

##### 3. Cơ cấu tổ chức và bộ máy

###### 3.1. Ban lãnh đạo Công ty:

- Hội đồng quản trị
- Ban giám đốc

###### 3.2. Các phòng nghiệp vụ:

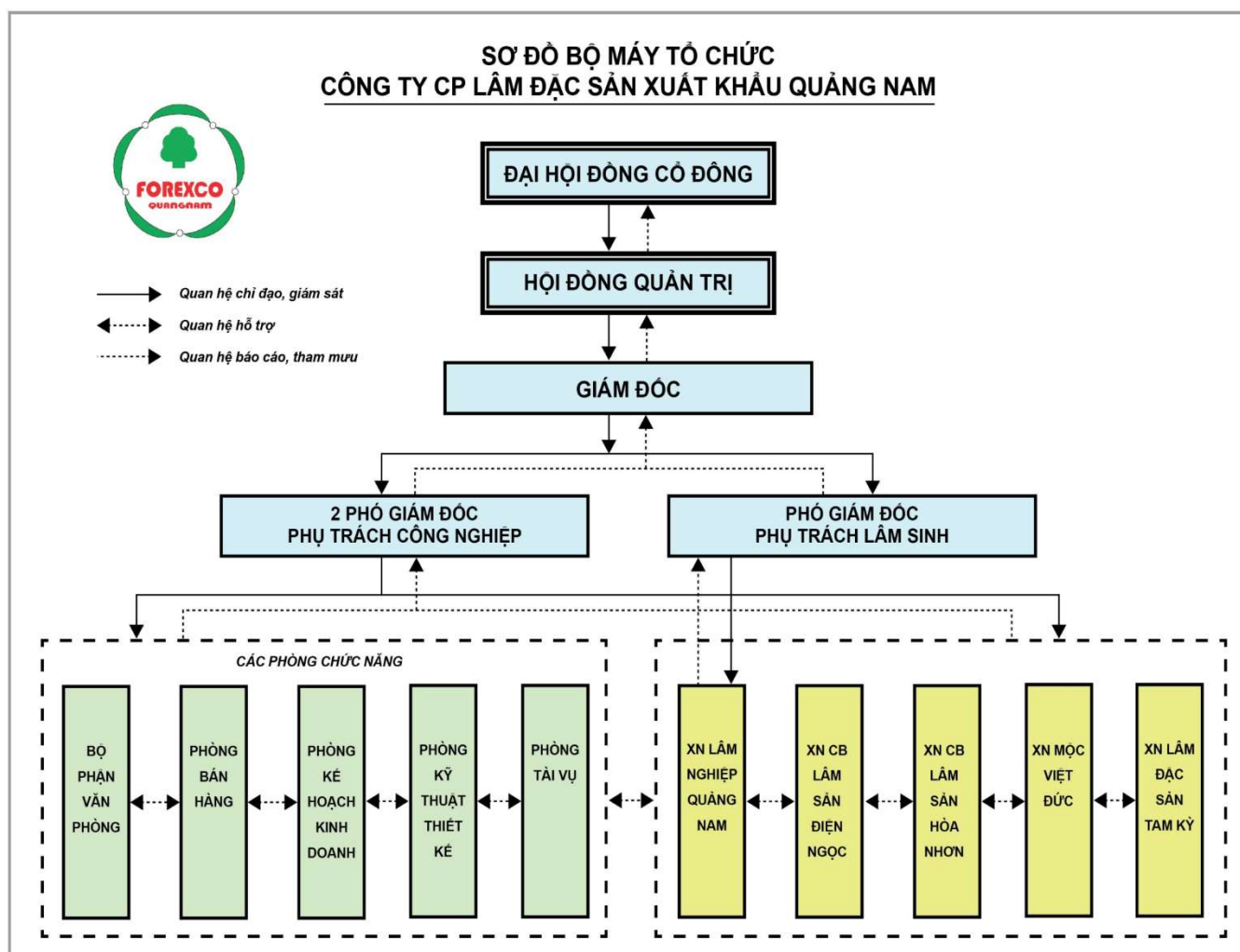
- Phòng tổ chức hành chính
- Phòng Kế toán – Tài chính
- Phòng Kế hoạch- Kinh doanh
- Phòng Bán hàng
- Phòng Kỹ thuật- Thiết kế

###### 3.3. Các đơn vị trực thuộc:

- Xí nghiệp mộc Việt Đức - Chế biến lâm sản
- Xí nghiệp Chế biến Lâm sản Điện Ngọc - Chế biến lâm sản
- Xí nghiệp Chế biến Lâm sản Hoà Nhơn - Chế biến lâm sản
- Xí nghiệp Lâm đặc sản Tam Kỳ - Chế biến lâm sản
- Xí nghiệp Lâm Nghiệp Quảng Nam - Trồng, quản lý, khai thác rừng trồng,

##### 4. Bộ máy tổ chức

###### 4.1. Sơ đồ tổng quát



#### 4.2 Nguồn lực và trình độ:

Tổng số cán bộ công nhân viên làm việc 100% thời gian dài hạn, “không kể số lao động hợp đồng theo thời vụ” cho Công ty là 277 người, trong đó trình độ đại học, cao đẳng và trung cấp kỹ thuật là 47 người, chiếm 17%, công nhân lành nghề chiếm 83%. Số liệu trên cho thấy cứ 08 công nhân có 01 cán bộ có trình độ đại học, cao đẳng “tỷ lệ 1/10”, đây là con số đã chứng minh hiệu quả của công tác tổ chức quản lý của FOREXCO Quảng Nam trong những năm qua. Nhìn chung số lượng và trình độ chuyên môn của người lao động Công ty đảm bảo thực hiện tốt công tác quản lý rừng bền vững.

## II. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ, ĐỊA HÌNH, KHÍ HẬU, THỦY VĂN VÀ THỔ NHƯỠNG

### 1. Vị trí địa lý

Forexco Quảng Nam có diện tích đất lâm nghiệp nằm rải rác trên địa phận của các xã Hoà Vang, Sơn Cẩm Hà, Thạnh Bình, Lãnh Ngọc, Tam Xuân, Tam Anh, Đức Phú và xã Núi Thành thuộc thành phố Đà Nẵng.

Có tọa độ địa lý:

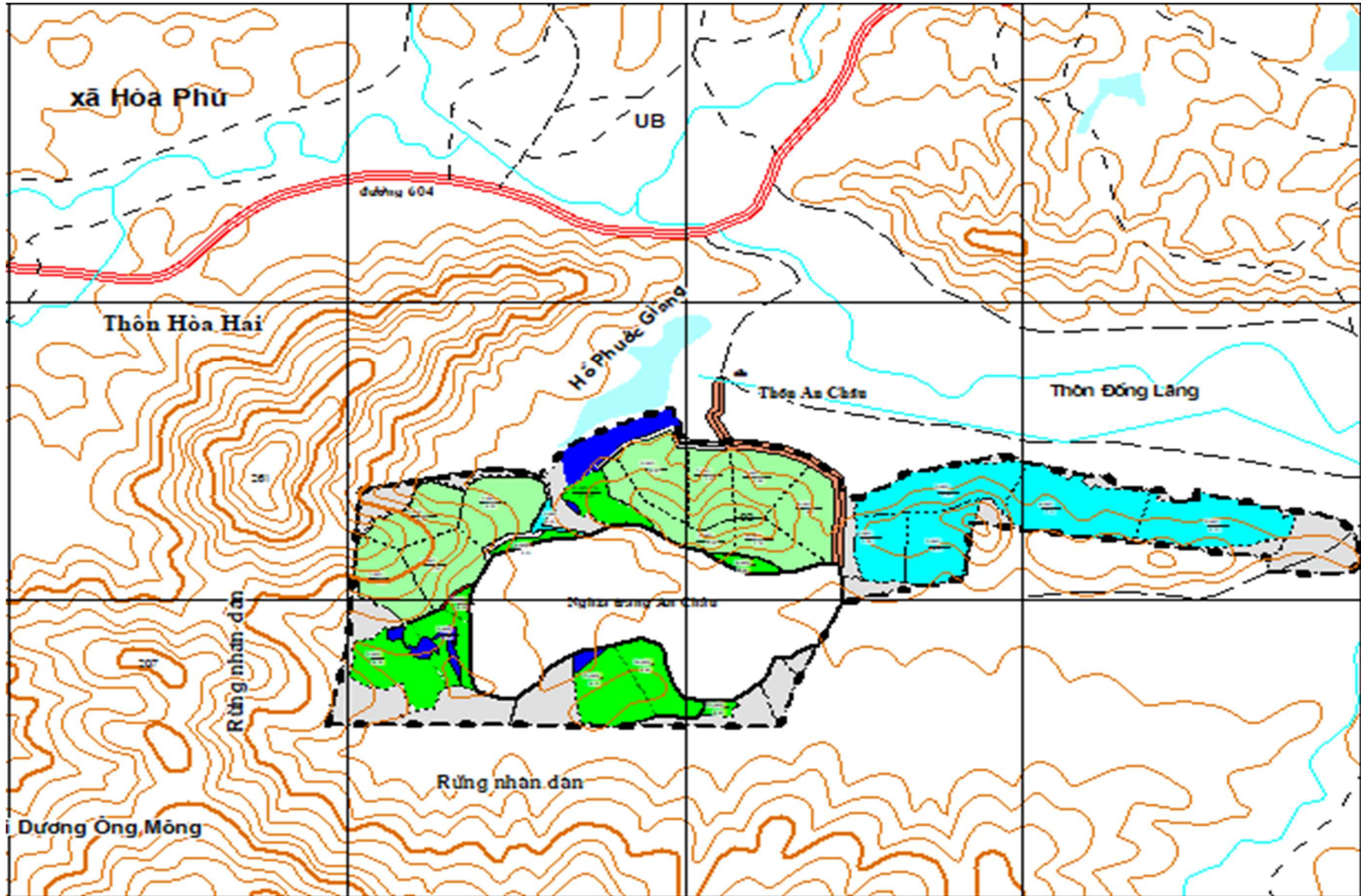
Từ 14<sup>057'22"</sup> Vĩ độ Bắc

Từ 107<sup>013'35"</sup> Kinh độ Đông





Bản đồ quản lý rừng năm 2026 khu vực xã Hoà Vang



## **2. Địa hình**

Thành phố Đà Nẵng có địa hình phức tạp, đồi núi chiếm  $\frac{3}{4}$  diện tích toàn tỉnh và được chia thành 3 vùng chính: vùng núi, vùng đồi, và vùng đồng bằng ven biển.

Diện tích đất lâm nghiệp của Forexco Quảng Nam chủ yếu nằm trên địa phận các xã miền núi, nhìn chung địa hình có độ dốc bình quân từ 20-30 độ, độ cao từ 100-300m và có xu hướng thấp dần từ Tây sang Đông.

## **3. Khí hậu**

Khí hậu trong vùng mang đặc điểm chung của thành phố Đà Nẵng, thuộc vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, một năm có 2 mùa rõ rệt: mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 2 năm sau và mùa khô từ tháng 3 đến tháng 8. Nhiệt độ trung bình năm: 25°C, mùa đông dao động trong khoảng 20– 24°C, mùa hè 25-30°C. Độ ẩm không khí trung bình: 85%. Lượng mưa bình quân 2.000 - 2.500mm/năm, lượng mưa thường tập trung chủ yếu vào các tháng 9;10 và 11, chiếm 85% tổng lượng mưa cả năm. Đây cũng là nguyên nhân chủ yếu gây ra hạn hán, lũ lụt đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh lâm nghiệp.

## **4. Thủy văn**

Thành phố Đà Nẵng có 3 hệ thống sông suối chính:

Sông Thu Bồn: có lưu vực rộng 3.350km<sup>2</sup>, gồm nhiều sông suối nhỏ, mật độ lưới sông khoảng 0,4km/km<sup>2</sup>

Sông Tam Kỳ và Sông Tràu: có lưu vực 800km<sup>2</sup>, mật độ lưới sông 0,7km/km<sup>2</sup>

Sông Vu Gia: có lưu vực rộng 5.500km<sup>2</sup> và mật độ lưới sông đạt 0,33km/km<sup>2</sup>

Ngoài 3 hệ thống sông suối chính còn nhiều sông suối nhỏ tạo ra mạng lưới sông suối thoát nước trong mùa mưa lũ, hạn chế lũ lụt.

Sông Tam Kỳ và Sông Tràu: có lưu vực 800km<sup>2</sup>, mật độ lưới sông 0,7km/km<sup>2</sup>

Sông Vu Gia: có lưu vực rộng 5.500km<sup>2</sup> và mật độ lưới sông đạt 0,33km/km<sup>2</sup>

Ngoài 3 hệ thống sông suối chính còn nhiều sông suối nhỏ tạo ra mạng lưới sông suối thoát nước trong mùa mưa lũ, hạn chế lũ lụt.

## **5. Địa chất và thổ nhưỡng**

Forexco Quảng Nam có diện tích đất phân tán, rải rác ở các xã gồm: xã Hoà Vang, Sơn Cẩm Hà, Thanh Bình, Lãnh Ngọc, Tam Xuân, Tam Anh, Đức Phú và Núi Thành. Các loại đất đai trong vùng chủ yếu là đất bạc màu trên phù sa cổ, đất xám bạc màu, đất đỏ vàng trên đá Mac ma axit, đá cát, dăm cuội kết và đất nâu vàng trên phù sa cổ.

## **III. DÂN SINH, KINH TẾ - XÃ HỘI – MÔI TRƯỜNG**

### **1. Dân sinh, lao động**

#### **1.1. Dân số**

- Về dân số: Theo Nghị Quyết 202 của Quốc hội thì dân số thành phố có khoảng 3.065.628 người. Trong đó dân tộc Kinh chiếm 97%, các dân tộc ít người chiếm 3%. Dân tộc ít người chủ yếu là Ca Doong, Cor, Mơ Nông và Xê Đăng, phân bố chủ yếu ở các xã miền núi cao.

## 1.2. Lao động

- Về lao động: Tổng số người trong độ tuổi lao động là 2 triệu người chiếm 45% dân số, Lao động tập trung chủ yếu vào ngành Nông – Lâm nghiệp chiếm 81%, lao động các ngành nghề khác chỉ chiếm 19%.

## 2. Tình hình kinh tế - của Công ty và khu vực

### 2.1. Những đặc điểm chính về kinh tế trong khu vực

Sinh kế chủ yếu trong khu vực này là hoạt động nông nghiệp, chủ yếu là canh tác lúa và chăn nuôi gia súc (trâu, bò). Các nguồn sinh kế chủ yếu trong thời gian nông nhàn là dựa vào rừng, bán sức lao động, thu lượm những mảnh bom đạn còn lại từ chiến tranh chống Mỹ.

### 3. Tình hình xã hội:

Về xã hội, Công ty cần phải gắn kết với chính quyền huyện, xã, phối hợp với các chương trình phát triển kinh tế- xã hội của Nhà nước để phát triển văn hóa xã hội, hạ tầng cơ sở và nâng cao dân trí, trình độ khoa học kỹ thuật cho người dân trong vùng để đảm bảo sự phát triển bền vững trong lĩnh vực quản lý tài nguyên.

## IV. GIAO THÔNG

Hệ thống giao thông trong vùng khá thuận lợi cho việc phát triển vùng nguyên liệu, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình vận chuyển hàng hoá, hạ giá thành sản phẩm và có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế.

## V. HIỆN TRẠNG SỬ DỤNG ĐẤT

Công ty FOREXCO Quảng Nam đang quản lý quản lý trực tiếp là 1.306,0 ha. Đây là diện tích mà FOREXCO có hợp đồng thuê trực tiếp với UBND tỉnh Quảng Nam đã được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng rừng và đất rừng với thời hạn 50 năm.

TT	Địa điểm	Tổng diện tích (ha)	Diện tích (ha)/ Loại cây trồng		Diện tích Băng xanh, cây bản địa (ha)	Đất và Đất khác (ha)	Ghi chú
			Thông	Keo			
1	Sơn Cẩm Hà, Lãnh Ngọc, Thạnh Bình (TK 539, 542, 544, 565, 572)	268,51	68,08	100,03	5,85	94,55	
2	Tam Xuân, Tam Anh, Núi Thành, Đức Phú (TK NTK, 592, 600, 601, 593a, 593b)	903,865	197,15	392,81	146,05	314,09	
3	Hòa Vang (TK 55)	133,63		88,99	11,1	33,54	
<b>Tổng cộng</b>		<b>1306,00</b>					

*Biểu Thống kê hiện trạng sử dụng đất của Công ty*

## VI. HIỆN TRẠNG TÀI NGUYÊN RỪNG

### 1. Hiện trạng diện tích, trạng thái, chất lượng các loại rừng

Toàn bộ diện tích rừng của Công ty là rừng sản xuất, với diện tích là 1.306,0 ha, Diện tích rừng này nằm tại các tiểu khu 544, 542, 539, 572, 565 thuộc các xã Sơn Cẩm Hà, Lãnh Ngọc và Thạnh Bình, 592, 593b, 600, 601, NTK thuộc các xã Tam Xuân, Tam Anh, Đức Phú và xã Núi Thành và tiểu khu 55, xã Hòa Vang.

STT	Địa điểm/ Loại rừng	Loài cây	Năm trồng	Diện tích	Ghi chú
<b>A</b>	<b>Tam Xuân, Tam Anh, Núi Thành, Đức Phú, Sơn Cẩm Hà, Lãnh Ngọc, Thạnh Bình</b>			<b>1172,37</b>	
<b>I</b>	<b>Rừng Thông</b>			<b>265,232</b>	
1	Rừng Thông	Thông nhựa	1980	63,11	
2	Rừng Thông	Thông nhựa	1981	24,36	
3	Rừng Thông	Thông nhựa	1982	27,26	
4	Rừng Thông	Thông nhựa	1985	18,8	
5	Rừng Thông	Thông nhựa	1986	31,97	
6	Rừng Thông	Thông nhựa	1987	33,64	
7	Rừng Thông	Thông nhựa	1988	61,62	
8	Rừng Thông	Thông nhựa	1989	4,47	
<b>II</b>	<b>Rừng Huỷnh</b>	<b>Huỷnh</b>	<b>2020</b>	<b>4,55</b>	
<b>III</b>	<b>Rừng Lim xanh</b>	<b>Lim Xanh</b>	<b>2023</b>	<b>0,35</b>	
<b>IV</b>	<b>Rừng Keo</b>			<b>492,84</b>	
1	Rừng Keo	Keo lai hom	Rừng 2015	5,73	
2	Rừng Keo	Keo lai hom	Rừng 2016	10,15	
3	Rừng Keo	Keo lai hom	Rừng 2017	20,56	
4	Rừng Keo	Keo lai hom	Rừng 2018	6,22	
5	Rừng Keo	Keo lai hom	Rừng 2019	34,81	
6	Rừng Keo	Keo lai hom	Rừng 2020	32,75	
7	Rừng Keo	Keo lai hom	Rừng 2021	209,09	
8	Rừng Keo	Keo lai hom	Rừng 2022	57,78	
9	Rừng Keo	Keo lai hom	Rừng 2023	91,01	
10	Rừng Keo	Keo lai hom	Rừng 2024	12,88	
11	Rừng Keo	Keo lai hom	Rừng 2025	11,86	
<b>V</b>	<b>Băng xanh- vùng đệm</b>			47,54	
<b>VI</b>	<b>Đất khác</b>			361,858	
<b>B</b>	<b>Hòa Vang</b>			<b>133,63</b>	
<b>I</b>	<b>Rừng Keo</b>			<b>88,99</b>	

1	Rừng Keo	Keo lai hom	2013	41,37	
2	Rừng Keo	Keo lai hom	2016	19,78	
3	Rừng Keo	Keo lai hom	2021	27,84	
<b>II</b>	<b>Băng xanh- vùng đệm</b>			11,1	
<b>III</b>	<b>Đất khác</b>			33,54	
*	<b>Tổng</b>			<b>1.306,0</b>	

*Bảng Thống kê diện tích theo loài cây và năm trồng*

## 2. Tổng trữ lượng, trữ lượng bình quân các loại rừng

Theo kết quả đo đếm tăng trưởng rừng trồng hằng năm, năm 2025. Kết quả như sau:

TT	Khu vực	Tuổi rừng	Năm trồng tương ứng	Loài cây/mật độ trồng	Tổng diện tích (ha)	Lượng tăng trưởng bình quân/ 1 năm (m3)	Tổng lượng tăng trưởng bình quân/ năm (m3)	Trữ lượng bình quân/ ha (m3)	Tổng trữ lượng rừng (m3)
1	Tam	1	2024	Ah/2500	12,88	4,50	57,98	4,50	57,98
2	Xuân,	2	2023	Ah/2500	91,01	13,39	1.218,52	17,77	1.616,88
3	Tam Anh,	3	2022	Ah/2500	57,78	33,34	1.926,64	53,86	3.112,25
4	Núi	4	2021	Ah/2500	209,09	42,15	8.812,11	92,79	19.400,83
5	Thành,	5	2020	Ah/2500	32,75	39,18	1.283,17	147,93	4.844,63
6	Đức Phú,	6	2019	Ah/2500	34,81	45,95	1.599,55	210,46	7.326,19
7	Sơn Cẩm	7	2018	Ah/2500	6,22	39,69	246,87	223,60	1.390,82
8	Hà, Thanh	8	2017	Ah/2500	20,56	21,29	437,62	225,70	4.640,33
9	Bình,	9	2016	Ah/2500	10,15	13,65	138,50	229,32	2.327,57
10	Lãnh Ngọc	10	2015	Ah/2000	5,73	9,06	51,90	235,99	1.352,24
11		12	2013	Ah/2000	41,37	9,36	387,33	239,92	9.925,67
12	Hòa Vang	9	2016	Ah/2000	19,78	13,41	265,18	215,72	4.266,94
13		4	2021	Ah/2500	27,84	29,91	832,79	43,95	1.223,50
<b>TỔNG CỘNG</b>					<b>569,97</b>		<b>17.258,16</b>		<b>61.485,84</b>

*Biểu Tổng hợp kết quả điều tra tăng trưởng rừng năm 2025*

## 3. Hiện trạng phân bố các loài lâm sản ngoài gỗ

Ngoài sản phẩm gỗ Keo, nhựa Thông, còn có thể có các sản phẩm ngoài gỗ có giá trị khác. Để nhận biết các sản phẩm ngoài gỗ và các dịch vụ tiềm ẩn từ rừng, ngoài việc tự tìm hiểu, hàng năm Forexco sẽ khảo sát thăm dò từ những người dân quanh vùng hoặc các Doanh nghiệp lâm nghiệp địa phương.

Tính đến nay, trong lâm phận quản lý của Công ty chưa phát hiện các loại lâm sản có giá trị nào khác.

## VII. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC QUẢN LÝ BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN RỪNG, BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC

### 1. Quản lý rừng trồng

Nhìn chung, công tác quản lý rừng trồng của Công ty là hiệu quả, bảo toàn được quỹ đất sau khai thác, hạn chế thấp nhất các vụ việc vi phạm vào rừng.

## **2. Quản lý bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng và sâu bệnh**

- Quản lý bảo vệ rừng đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc quyết định hiệu quả kinh doanh của cả chu kỳ trồng rừng và đặc biệt là ảnh hưởng trực tiếp đến việc bảo toàn vốn đầu tư trồng rừng. Nhận thức được vấn đề này trong những năm qua Công ty đã phối hợp với chính quyền địa phương, xây dựng các chương trình hành động trong công tác quản lý bảo vệ rừng từ huyện đến cấp xã.

- Phòng chống cháy rừng: trên cơ sở phương án phòng cháy chữa cháy rừng hằng năm; hàng năm Công ty xây dựng chương trình hành động, phối hợp với chính quyền địa phương thành lập các ban chỉ đạo PCCC, tổ PCCC nghĩa vụ ở cơ sở, nơi có rừng trồng của Công ty. Chỉ đạo các hộ nhận khoán trồng rừng kinh tế thực hiện các đường băng cản lửa theo đúng thiết kế được phê duyệt. Thực hiện ký giao ước giữa Công ty với chính quyền các xã nơi có rừng trồng của Công ty. Hàng ngày lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của Công ty kiểm tra tại hiện trường nhất là vào mùa nắng nóng, phân công trực 24/24 giờ, phát hiện kịp thời việc đốt nương làm rẫy của người dân địa phương để có biện pháp phòng ngừa, trách cháy lan vào rừng trồng của Công ty;

- Phòng, chống sâu bệnh hại rừng: lực lượng quản lý bảo vệ rừng của Công ty thường xuyên kiểm tra, giám sát và phát hiện kịp thời những diện tích rừng bị sâu bệnh hại, để có biện pháp phòng trừ.

## **3. Quản lý lâm sản ngoài gỗ**

Công ty cho phép người dân được phép vào rừng lấy lâm sản ngoài gỗ phục vụ các nhu cầu thiết yếu của cuộc sống dưới sự kiểm tra, giám sát của cán bộ bảo vệ rừng.

Hàng năm, Công ty đều đánh giá hiện trạng các loài lâm sản ngoài gỗ thông qua điều tra, phỏng vấn người dân địa phương, từ đó đưa ra mức sản lượng được phép cho người dân thu hái, khai thác. Việc thu hái, khai thác lâm sản ngoài gỗ của người dân phải thực hiện theo quy định do Công ty ban hành.

Nhìn chung, công tác quản lý lâm sản ngoài gỗ của Công ty là có hiệu quả, các loài xuất hiện các năm trước thì qua giám sát, điều tra các năm sau thì vẫn thấy xuất hiện với sản lượng/khối lượng bằng hoặc cao hơn.

## **4. Đa dạng sinh học**

### **4.1. Đa dạng thực vật rừng**

Trong những năm gần đây để góp phần vào quá trình phục hồi và tăng độ che phủ của rừng, Công ty luôn đưa nhiều giống mới vào trồng thử nghiệm và trồng đại trà như: Keo, Thông, Sao đen, Huỳnh, Lim Xanh phần lớn các loài cây này đều sinh trưởng phát triển tốt, đồng thời kéo dài thời gian kinh doanh rừng từ 7-9 năm lên 9-12 năm để giảm diện tích khai thác mà giá trị kinh tế không giảm.

### **4.2. Đa dạng động vật rừng**

Kết quả đánh giá và giám sát cho thấy hiện tại chỉ còn một số loài như: Gà rừng, rắn, một số loài chim, không có loài động vật nào quý hiếm xuất hiện trong rừng của Công ty.

### **4.3. Rừng có chứa một số giá trị bảo tồn cao**

Hầu hết đa phần diện tích của Công ty là rừng trồng với 2 loài cây chính là Keo và Thông nhựa, ngoài ra còn đầu tư trồng một số diện tích cây bản địa. Đây là nguồn kinh doanh chủ yếu của Công ty với nguồn gỗ nguyên liệu từ keo và nguồn nhựa thông từ rừng thông.

Theo đánh giá cập nhật năm 2025, trong phạm rừng và đất rừng Công ty không có khu vực có giá trị bảo tồn cao.

#### **5. Công tác quản lý, xử lý vi phạm pháp luật về công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học**

Công ty đã có Tổ, Đội quản lý bảo vệ rừng chuyên trách tại địa bàn các xã và mỗi cán bộ QLBRV được giao trong một phạm vi cụ thể. Chính cách làm này đã giảm đáng kể các hành vi xâm hại đến rừng từ bên ngoài, tuy nhiên do lực lượng QLBRV còn mỏng, địa bàn rộng, phương tiện hỗ trợ còn thô sơ nên hàng năm Công tác QLBRV cũng còn xuất hiện một số vụ việc như chặt trộm, xâm lấn đất...với mức độ nhỏ. Hầu hết các vụ việc xảy ra làm tổn hại đến rừng đều được Công ty phối hợp với các cơ quan chức năng giải quyết triệt để theo quy định của Pháp luật.

#### **6. Kết quả giám sát tác động môi trường, Đánh giá tác động môi trường của các hoạt động Công ty FOREXCO Quảng Nam.**

Trước khi thực hiện các hoạt động lâm sinh. Công ty đều khảo sát, điều tra tác động, sự ảnh hưởng của hoạt động lâm sinh với môi trường, hệ sinh thái...Kết quả điều tra, khảo sát cho thấy các hoạt động lâm sinh của Công ty không có nhiều ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường, hệ sinh thái.

## **Chương 3**

### **MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ HIỆU QUẢ PHƯƠNG ÁN**

#### **I. MỤC TIÊU VÀ PHẠM VI QUẢN LÝ RỪNG BỀN VỮNG**

##### **1. Mục tiêu chung**

Phương án được xây dựng nhằm mục tiêu quản lý rừng của công ty theo kế hoạch một cách bền vững về 3 mặt kinh tế - kỹ thuật, xã hội và môi trường sinh thái. Duy trì chứng chỉ quản lý rừng bền vững và chuỗi hành trình sản phẩm trong chế biến lâm sản theo các nguyên tắc và tiêu chuẩn của FSC.

##### **2. Mục tiêu cụ thể**

###### **2.1. Về kinh tế**

###### **2.1.1. Quản lý các loại đất quản lý**

Quản lý tốt và sử dụng có hiệu quả 1.306,0 ha đất rừng đang quản lý đã được cấp chứng chỉ FSC.

###### **2.1.2. Trồng rừng sản xuất**

- Trồng mới rừng bình quân hàng năm: 20- 70 ha/năm.
- Nâng cao sản lượng rừng trồng từ 130-140 m<sup>3</sup>/ha/chu kỳ lên 170 – 180 m<sup>3</sup>/ha/chu kỳ đối với chu kỳ 7 năm; Đối với rừng trồng chu kỳ 9 năm sản lượng phần đầu đạt 200 m<sup>3</sup>/ha; đối với rừng trồng chu kỳ 12 năm sản lượng phần đầu đạt 210-250 m<sup>3</sup>/ha/năm.

###### **2.1.3. Khai thác rừng trồng**

- Diện tích khai thác bình quân hàng năm: 25 - 70 ha/năm.
- Cung ứng gỗ nguyên liệu đảm bảo chất lượng đạt trên 15.000 m<sup>3</sup>/năm.

###### **2.1.4. Tài chính bình quân của luân kỳ**

- Doanh thu bình quân (Công ty và hộ nhận khoán): 12,4 tỷ đồng/năm.
- Lợi nhuận bình quân (Công ty và hộ nhận khoán): 3,6 đồng/năm.

###### **2.2. Về xã hội**

- Hàng năm, Công ty tạo công ăn việc làm ổn định cho hộ nhận khoán thông qua hình thức ký hợp đồng.

- Thu hút lực lượng lao động là người địa phương và các vùng phụ cận, thông qua việc tham gia vào các công việc trồng mới rừng, chăm sóc, bảo vệ rừng và khai thác rừng trồng.

- Duy tu, bảo dưỡng khoảng 8-10 km/năm đường lâm nghiệp thông qua các hoạt động khai thác.

- Hỗ trợ kinh phí xây dựng các công trình phúc lợi tại địa phương.

- Tôn trọng phong tục, tập quán, văn hóa, tín ngưỡng và quyền của cộng đồng địa phương trong quá trình quản lý rừng.

###### **2.3. Môi trường**

- Đảm bảo độ che phủ của rừng sau luân kỳ đạt 80,0%.

- Góp phần giảm thiểu xói mòn, rửa trôi của đất, giảm ô nhiễm nguồn nước, không làm cạn kiệt nguồn nước, không làm các dòng chảy bị bồi lấp, không làm thay đổi lưu lượng dòng chảy bất thường.

## II. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT

Trước mắt Công ty đầu tư sử dụng hiệu quả 1.306,0 ha đất lâm nghiệp đã được giao cho FOREXCO thuê để trồng rừng sản xuất.

- Sử dụng ổn định, kinh doanh có hiệu quả diện tích đất trồng rừng sản xuất áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào trồng rừng thâm canh tăng năng suất, chất lượng.

- Bảo vệ nghiêm ngặt tránh mọi tác động đến rừng tự nhiên có giá trị bảo tồn cao.

- Bảo vệ khỏi sự tác động, trồng bổ sung cây bản địa vào khu vực vùng đệm ven sông, suối.

- Sản xuất cây giống chất lượng cao, tiến tới xây dựng trung tâm nuôi cấy mô

## III. KẾ HOẠCH QUẢN LÝ, BẢO VỆ, PHÁT TRIỂN, SỬ DỤNG RỪNG BỀN VỮNG, BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC

### 1. Kế hoạch bảo vệ, bảo tồn đa dạng sinh học

#### a. Biện pháp và nội dung bảo vệ rừng

- Bảo vệ rừng từ khi trồng xong rừng đến khi khai thác, ngăn chặn kịp thời mọi tác động xấu ảnh hưởng đến rừng.

- Đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công nhân viên hiểu biết về quy chế quản lý bảo vệ rừng, đa dạng sinh học để nâng cao ý thức và trách nhiệm trong công tác quản lý bảo vệ rừng.

- Tăng cường công tác tuần tra canh gác, ngăn ngừa người và gia súc phá hoại rừng.

- Xây dựng các trạm bảo vệ rừng, chòi canh. Đặt các loại biển báo bảo vệ rừng, biển báo phòng chống cháy rừng theo quy định.

- Phối hợp với chính quyền địa phương trong công tác tuần tra bảo vệ rừng, tuyên truyền giáo dục cho cộng đồng địa phương về công tác bảo vệ rừng, bảo vệ các loài động vật hoang dã.

#### b. Kế hoạch phòng cháy, chữa cháy rừng (PCCCR), phòng trừ sâu, bệnh hại

Thực hiện theo Phương án Phòng cháy, chữa cháy rừng hàng năm.

##### b.1. Kế hoạch phòng cháy:

Thực hiện cả năm nhưng chú trọng vào thời điểm mùa khô (tháng 3 - tháng 8).

- Tuân thủ theo Luật và các quy định PCCCR, xây dựng phương án PCCCR theo diễn biến từng năm; thực hiện cam kết PCCCR trong xử lý thực bì, khai thác.

- Công tác tuyên truyền được đẩy mạnh thực hiện với nhiều hình thức như: họp dân, tuyên truyền đến các thôn, xã với các nội dung về PCCCR, từ đó nâng cao ý thức của người dân. Lực lượng PCCCR chuẩn bị các phương tiện cần thiết phục vụ công tác PCCCR với quan điểm “Phòng là chính, chữa kịp thời”.

- Kiện toàn tổ chức lực lượng PCCCR, thành lập Ban chỉ huy PCCCR tại các đơn vị trực thuộc.

- Kiểm tra hệ thống đường băng cản lửa, sửa chữa và xây dựng mới.

- Trang bị đầy đủ phương tiện, dụng cụ PCCCR. Hàng năm đánh giá chất lượng dụng cụ và cấp bổ sung, định kỳ 1 năm/lần.

- Treo biển cấm lửa ở những nơi có vật liệu dễ cháy, nút đường dân sinh, nơi đông dân cư; xây dựng biển báo cấp cháy rừng để thông báo mức độ nguy hiểm và khả năng xảy ra cháy rừng.

- Phân công trực phòng chống cháy rừng 24/24h,

b.2- Kế hoạch chữa cháy:

- Lực lượng chữa cháy: Thành lập BCH phòng cháy chữa cháy và các tổ đội PCCC tại đơn vị.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể từng thành viên trong BCH chịu trách nhiệm từng địa bàn, phối hợp chặt chẽ các tổ, đội PCCCR ở cơ sở.

- Khi xảy ra cháy rừng, huy động lực lượng tại chỗ; phương tiện, dụng cụ chữa cháy tại chỗ và phát huy tối đa năng lực chỉ huy tại chỗ, phối hợp với nhân dân địa phương và kiểm lâm sở tại.

## 2. Quản lý khu vực vùng đệm ven khe suối

Biện pháp quản lý khu vực được Công ty đề ra thực hiện như sau:

- Không khai thác, chặt củi hoặc tận thu lâm sản trên diện tích rừng thuộc vùng đệm ven sông, suối; hoặc có các hoạt động lâm nghiệp gần đó không được làm ảnh hưởng như không khai thác cho cây ngã đổ vào diện tích vùng đệm;

- Ở những khu vực có những cây rừng trồng/cây tái sinh tự nhiên khô chưa đạt yêu cầu hoặc cây rừng trồng bị ngã đổ do gió, lốc sau khi rừng bên cạnh khai thác cần có biện pháp trồng dặm cây bản địa; hoặc cây rừng trồng chính.

- Tuyên truyền đối với người dân trên địa bàn lân cận về diện tích này; cấm chặt phá gia súc bừa bãi và các hình thức phá rừng khác, đồng thời phải làm tốt công tác phòng chống cháy rừng.

Để đảm bảo tối thiểu 10% diện tích trong tổng số diện tích rừng quản lý bền vững theo tiêu chuẩn FSC®, Forexco quy hoạch bảo vệ diện tích băng xanh cây bản địa đến tháng 12/2025: 58,64 ha và quy hoạch diện tích rừng Thông đưa vào bảo tồn không khai thác để bảo vệ hệ sinh thái là: 84,26 ha, khai thác tác động thấp là 21,72 ha.

## 3. Quản lý, phát triển rừng trồng sản xuất

### 3.1. Rừng trồng trong khu vực sản xuất và khai thác gỗ

3.1.1. Kế hoạch quản lý vườn ươm, sản xuất cây giống:

Nội dung - Hạng mục	ĐVT	KẾ HOẠCH SẢN LƯỢNG			
		2026	2027	2028 - 2036	Tổng cộng
Keo lai hom	cây	500.000	500.000	6.000.000	7.000.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>500.000</b>	<b>500.000</b>	<b>6.000.000</b>	<b>7.000.000</b>

*Biểu Kế hoạch sản lượng sản xuất cây giống:*

### 3.1.2. Trồng rừng sản xuất

Đối tượng trồng rừng: Toàn bộ diện tích đất đai do Công ty FOREXCO quản lý được chia ra làm 2 đối tượng đó là trồng rừng trên đất trống, trồng cây bụi rải rác (trạng thái thực bì Ib, hiện trường đất rừng thu hồi sau khai thác cây xâm chiếm) và trồng lại rừng trên diện tích Công ty vừa khai thác rừng.

**\* Trồng rừng trên đất không có rừng**

TT	Năm trồng	Diện tích (ha)	Loại cây trồng	Tiểu khu	Địa điểm
1	2026	10	Keo lai	592,593,600, 572, 55, NTK	Tam Xuân, Tam Anh, Núi Thành, Sơn Cẩm Hà
2	2027	20	Keo lai	600,601, 55	Tam Xuân, Đức Phú, Hoà Vang
3	2028	20	Keo lai	592,593,600,601, NTK	Tam Xuân, Núi Thành, Sơn Cẩm Hà
4	2029 - 2036	322	Keo lai	600,601, 55	Các xã trong lâm phận
	Tổng	372			

*Biểu Kế hoạch trồng rừng trên đất trống*

**\* Trồng rừng trên đất khai thác rừng.**

T T	Năm trồng	Loại cây	Diện tích (ha)	Địa điểm	
				Tiểu khu	Xã
1	2026	Keo nuôi cấy mô, lai hom	23,50	592,600, 601,593b	Tam Xuân, Đức Phú, Tam Anh
2	2027	Keo nuôi cấy mô, lai hom	41,6	NTK,592,572,55	Núi Thành, Tam Xuân, Lãnh Ngọc, Hoà Vang
3	2028	Keo nuôi cấy mô, lai hom	52,51	NTK,592,572 565.55	Tam Xuân, Lãnh Ngọc, Thạnh Bình, Hoà Vang.
4	2029	Keo nuôi cấy mô, lai hom	53,6	NTK,592, 600,544, 565,572	Núi Thành, Tam Xuân, Đức Phú, Sơn Cẩm Hà, Thạnh Bình, Lãnh Ngọc
5	2030	Keo nuôi cấy mô, lai hom	64,89	55, NTK, 592,600	Hoà Vang, Tam Xuân, Đức Phú.
6	2031	Keo nuôi cấy mô, lai hom	60,6	592,600,601	Tam Xuân, Đức Phú
7	2032	Keo nuôi cấy mô, lai hom	57	NTK,592,600,601,593b,544,539	Tam Xuân, Đức Phú, Tam Anh, Sơn Cẩm Hà
8	2033	Keo nuôi cấy mô, lai hom	55,24	544, 572,565, 542	Sơn Cẩm Hà, Thạnh Bình.
9	2034	Keo nuôi cấy mô, lai hom	57,78	NTK,601,593b,544,542,572	Tam Xuân, Tam Anh, Sơn Cẩm Hà
10	2035	Keo nuôi cấy mô, lai hom	54,13	592, 601,593b,544,542	Tam Xuân, Đức Phú, Tam Anh, Sơn Cẩm Hà

11	2036	Keo nuôi cấy mô, lai hom	49,89	NTK, 592	Tam Xuân
----	------	--------------------------	-------	----------	----------

*Biểu Kế hoạch trồng lại rừng trên đất đã khai thác rừng*

**3.1.3 Kế hoạch chăm sóc và Quản lý bảo vệ rừng trồng**

**\* Quản lý bảo vệ, phòng chống cháy rừng Thông.**

Giải pháp đề xuất QLBV, phòng chống cháy rừng Thông là thảo luận với người dân địa phương, những người tham gia khai thác nhựa thông, hoặc những người có diện tích đất nông nghiệp ở ven và xen với rừng Thông nhựa đều được vận động tham gia QLBV theo các hình thức sau:

- a) Khoản QLBV rừng qua hợp đồng kinh tế giữa Công ty và chủ hộ gia đình, các thôn, xóm có thời hạn 1 năm hoặc 5 năm, với mục đích tham gia QLBV, phòng chống cháy rừng và cùng được chia sẻ lợi ích từ kết quả giá trị khai thác nhựa Thông.
- b) Khoản sản lượng khai thác nhựa Thông và QLBV, phòng chống cháy rừng Thông cho các hộ gia đình, tùy theo số lượng lao động hiện có trong gia đình mà Công ty khoán sản lượng khai thác hàng năm từ 5-10 ha/hộ và sản lượng nhựa sau khi trừ đi công lao động, hộ gia đình phải nộp bao nhiêu kg nhựa/năm/ha. Số nhựa Thông còn lại và vượt năng suất gia đình được hưởng toàn bộ.

Ngoài các hình thức trên Công ty còn có hai đội chuyên trách QLBV ở Tiên Phước (cũ) và Núi Thành (cũ) với 8 cán bộ QLBV chuyên trách. Hợp đồng phối hợp với chính quyền địa phương sở tại (Xã) để khi có sự việc xảy ra như trâu bò phá hoại, khai thác trái phép rừng trồng để tham gia giải quyết bồi thường thiệt hại hoặc phạt hành chính.

\* Chăm sóc rừng và QLBV rừng trồng: chăm sóc và quản lý bảo vệ rừng tất cả các diện tích rừng và đất rừng Công ty theo kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm.

**4. Khai thác lâm sản:**

**4.1. Khai thác gỗ rừng trồng:**

*a. Lập và quản lý kế hoạch khai thác*

TT	Năm khai thác	Cấp tuổi	Năm trồng	Diện tích (ha)	Trữ lượng bình quân/ha (m <sup>3</sup> /ha)	Trữ lượng khai thác (m <sup>3</sup> )	Địa điểm
1	2026	11	2015	5,73	242,56	1.389,87	Tam Anh
		10	2016	9,87	238,79	2.356,86	Tam Xuân, Đức Phú
		9	2017	7,90	235,93	1.863,85	Tam Xuân
				<b>23,50</b>		<b>5.610,57</b>	
2	2027	14	2013	41,37	250,00	10.342,50	Hoà Vang
		11	2016	0,28	242,56	67,92	Tam Xuân, Lãnh Ngọc
				<b>41,65</b>		<b>10.410,42</b>	
3	2028	12	2016	19,78	242,56	4.797,84	Hoà Vang
		11	2017	12,66	242,56	3.070,81	Tam Xuân, Sơn Cẩm Hà, Lãnh Ngọc
		10	2018	6,22	238,79	1.485,27	Sơn Cẩm Hà, Lãnh Ngọc
		9	2019	13,76	235,93	3.246,40	Thạnh Bình, Lãnh Ngọc
				<b>52,42</b>		<b>12.600,32</b>	
4	2029	10	2019	21,05	235,99	4.967,67	Tam Xuân, Đức Phú, Núi Thành
		9	2020	32,75	229,32	7.510,15	Đức Phú, Thạnh Bình
				<b>53,8</b>		<b>12.477,82</b>	
5	2030	9	2021	64,09	229,32	14.696,96	Hòa Vang, Tam Xuân, Đức Phú
				<b>64,09</b>		<b>14.696,96</b>	
6	2031	10	2021	60,6	235,99	14.301,22	Tam Xuân, Đức Phú
				<b>60,6</b>		<b>14.301,22</b>	
7	2032	11	2021	57	242,56	13.825,92	Tam Anh, Đức Phú, Sơn Cẩm Hà, Tam Xuân
					<b>57</b>		<b>13.825,92</b>
8	2033	12	2021	55,24	242,56	13.399,01	Sơn Cẩm Hà, Tam Xuân, Đức Phú, Tam Anh
					<b>55,24</b>		<b>13.399,01</b>
9	2034	12	2022	57,78	242,56	14.015,12	Đức Phú, Sơn Cẩm Hà, Lãnh Ngọc
				<b>57,78</b>		<b>14.015,12</b>	
10	2035	12	2023	54,12	242,56	13.127,35	Tam Xuân, Đức Phú, Sơn Cẩm Hà
				<b>54,12</b>		<b>13.127,35</b>	
11	2036	13	2023	36,89	250,00	9.222,50	Tam Xuân, Đức Phú, Sơn Cẩm Hà
		12	2024	12,88	242,56	3.124,17	Tam Xuân, Đức Phú
				<b>49,77</b>		<b>12.346,67</b>	
<b>TỔNG</b>				<b>569,97</b>		<b>136.811,38</b>	

*Biểu Kế hoạch khai thác rừng trồng công ty trong 10 năm đến:*

#### 4.2. Kế hoạch tỉa thưa rừng trồng:

TT	Năm tỉa thưa	Diện tích tỉa thưa	Rừng trồng năm	Địa điểm	Ghi chú
1	2026	5 ha	2018,2019	TK 601 xã Đức Phú và NTK xã Tam Xuân, Hòa Vang	Tỉa thưa theo mật độ để lại
2	2027	10 ha	2019,2020,2021	NTK Núi Thành, 572, Lãnh Ngọc	Tỉa thưa theo mật độ để lại
3	2028	12 ha	2021,2022	TK 592, NTK Tam Xuân, TK 600, Đức Phú	Tỉa thưa theo cấp tuổi
		20 ha	2019	NTK, xã Núi Thành	

Biểu Kế hoạch tỉa thưa rừng trồng

#### 4.3. Kế hoạch khai thác nhựa Thông.

Năm 2024 và 2025 Công ty tạm dừng hoạt động khai thác nhựa Thông để cây trồng phục hồi và phát triển. Dự kiến năm 2026 kiểm tra hiện trạng và sinh trưởng để có kế hoạch khai thác nhựa những năm tiếp theo.

#### 5. Kế hoạch quản lý lâm sản ngoài gỗ

Nhằm duy trì lâm sản ngoài gỗ bền vững đáp ứng một phần phục vụ đời sống, sức khỏe của người dân địa phương, không vì mục đích thương mại, Công ty quy định về việc thu hái lâm sản phụ như sau:

Trước khi người dân vào rừng thu hái lâm sản ngoài gỗ, phải báo cáo với nhân viên địa bàn của Công ty. Người dân phải cung cấp đầy đủ thông tin về họ tên, địa chỉ, loại lâm sản ngoài gỗ thu hái, khối lượng thu hái, thời gian kết thúc thu hái và ra khỏi rừng.

#### 6. Kế hoạch xây dựng cơ sở hạ tầng

TT	Hạng mục công việc	Đơn vị tính	Khối lượng	Năm	Địa điểm
1	Duy tu, bảo dưỡng đường LN	Km	60,5	2026-2036	Rừng lâm phận
2	Cải tạo nâng cấp, Showroom			2026-2036	Văn phòng
3	Xây dựng, mở rộng nhà xưởng			2026-2036	Điện Ngọc, Tam Kỳ, Việ Đức

Biểu Kế hoạch đề xuất xây dựng cơ sở hạ tầng

#### 7. Kế hoạch cung cấp dịch vụ môi trường rừng

Rừng của Công ty không thuộc quy hoạch rừng phòng hộ, không nằm trên thượng nguồn các hồ thủy điện, nên hiện tại Công ty không cung cấp các dịch vụ môi trường rừng và các dịch vụ về du lịch sinh thái, sản xuất nước sạch.

#### 8. Kế hoạch thực hiện các chương trình xã hội

- Công ty tiếp tục thực hiện cơ chế giao khoán và hưởng lợi cho người dân địa phương.
- Tạo việc làm cho người dân người địa phương.

- Công nhân lao động được được tập huấn về an toàn lao động, được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, công ty cam kết không sử dụng lao động trẻ em, lao động dưới 18 tuổi trong các hoạt động Vườn ươm, trồng, chăm sóc, bảo vệ và khai thác rừng.

- Công ty thường xuyên tu sửa đường dân sinh đảm bảo đường không bị hư hỏng ảnh hưởng đến các hoạt động của người dân.

- Sống hài hoà với người dân, tạo mối quan hệ thân cận với người dân, thường xuyên phổ biến những kiến thức về xã hội cũng như các kiến thức về kỹ thuật trồng rừng cho người dân địa phương.

- Đóng góp các kinh phí xây dựng các công trình của địa phương, các quỹ hỗ trợ người nghèo cho địa phương.

- Tạo điều kiện cho người dân địa phương thu hái sản phẩm lâm sản ngoài gỗ.

## **9. Kế hoạch nguồn nhân lực**

Công ty khuyến khích sử dụng nguồn nhân lực tại chỗ, ưu tiên lao động là người dân địa phương và đồng bào dân tộc thiểu số nhằm giải quyết công ăn việc làm và nâng cao thu nhập, giảm áp lực tác động lên rừng.

### **9.1. Nhu cầu nguồn nhân lực**

Theo yêu cầu nhiệm vụ và mục tiêu chiến lược của Công ty trong giai đoạn tới, Hội đồng quản trị, Ban giám đốc của Công ty phải tổ chức sắp xếp lại các phòng ban và các xí nghiệp thành viên theo hướng tinh giảm cán bộ gián tiếp, cán bộ quản lý để tăng cường năng lực cho các xưởng, nâng cao hiệu quả điều hành sản xuất và tăng lợi nhuận cho các cổ đông của Công ty. Công ty thường xuyên đào tạo và tuyển chọn cán bộ, công nhân kỹ thuật lành nghề để vận hành xưởng chế biến hàng mộc nội thất xuất khẩu. Giảm biên chế cán bộ gián tiếp các phòng thuộc xí nghiệp, chuyển các xí nghiệp thành viên thành các xưởng chế biến trực thuộc trực tiếp chỉ đạo của hội đồng quản trị, Công ty và các phòng ban của Công ty.

Thu hút lực lượng lao động sẵn có tại địa phương, ước tính khoảng 300-500 hộ gia đình tham gia các hoạt động trồng rừng, chăm sóc rừng, tía thưa và khai thác rừng trồng, và QLVR và khai thác nhựa thông giai đoạn 2022-2036

### **9.2. Đào tạo, nâng cao năng lực nguồn nhân lực**

Trong giai đoạn năm 2023-2037 do yêu cầu phát triển và mở rộng ngành nghề chế biến đồ mộc nội thất xuất khẩu, Công ty cần đào tạo ngay cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề vận hành máy móc thiết bị và thường xuyên hàng năm Công ty gửi cán bộ, công nhân đang làm việc ở các phòng ban, các xí nghiệp tham gia khoá học ngắn hạn nâng cao năng lực quản lý, trình độ chuyên môn, cập nhật thông tin, công nghệ mới để áp dụng nâng cao năng suất, hiệu quả công việc.

## **10. Kế hoạch và kết quả làm việc với các bên liên quan**

Hàng năm danh sách các bên liên quan của Forexco sẽ được cập nhật thường xuyên, nhằm đảm bảo tính kết nối trong các hoạt động lâm nghiệp của Công ty. Danh sách các bên liên quan của Forexco là Cộng đồng nhân dân các khu vực rừng trồng của Công ty, các cơ quan hữu quan như Sở NN&MT, Chi cục Lâm nghiệp, Kiểm lâm, chính quyền xã, Ủy Ban miền núi, các Nhà thầu, các Tổ chức phi chính phủ về môi trường, động vật hoang dã...

Cách thức làm việc với các bên liên quan bằng nhiều hình thức như:

- Gửi các báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh hàng năm
- Gửi bản Báo cáo tóm tắt kế hoạch quản lý.

- Phối hợp giải quyết các vụ việc liên quan đến hoạt động quản lý bảo vệ rừng.
- Tham vấn ý kiến qua gặp trực tiếp, email, bưu điện, điện thoại...

Kết quan tham vấn ý kiến các bên liên quan năm 2025: Tháng 4 năm 2026 Công ty đã gửi văn bản số 49/CV-XN ngày 01/4/2026 về Tham vấn hoạt động quản lý của Forexco đến Các cơ quan quản lý nhà nước liên quan đến hoạt động sản xuất lâm nghiệp, UBND các địa phương, các doanh nghiệp và nhà thầu, lao động... Công ty sẽ ghi nhận ý kiến và có văn bản phản hồi.

## **VII. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN**

### **1. Công tác quản lý**

- Sắp xếp bộ máy gọn nhẹ, giảm chi phí gián tiếp bằng việc phân công, chỉ đạo trực tiếp từ các phòng ban, tổ đội sản xuất xuống tận cơ sở mà không qua khâu trung gian nào; đồng thời gắn quyền lợi và trách nhiệm của từng người với nhiệm vụ được giao.

- Tiếp tục xây dựng các quy trình phù hợp với tiêu chuẩn quản lý rừng bền vững và hướng dẫn người lao động trong Công ty để triển khai thực hiện.

### **2. Quan hệ và phối hợp trong quản lý bảo vệ rừng với các bên liên quan**

#### *2.1. Quan hệ và phối hợp với cơ quan liên quan*

- Thường xuyên báo cáo Công ty, tổ chức đánh giá của FSC về các vấn đề liên quan đến quản lý rừng bền vững tại Công ty.

- Phối hợp với chính quyền địa phương cấp tỉnh, huyện để thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

#### *2.2. Quan hệ và phối hợp với cộng đồng địa phương*

Phối hợp với chính quyền địa phương để tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trong nhân dân về ý nghĩa của trồng rừng kinh tế. Tuyên truyền luật bảo vệ và phát triển rừng để người dân hiểu được tầm quan trọng của việc bảo vệ và phát triển rừng. Qua thực tế tại Công ty cho thấy, ở địa phương nào chính quyền (cấp xã) quan tâm đến công tác quản lý bảo vệ rừng, giải quyết tranh chấp đất đai thì ở địa phương đó rừng và đất rừng được quản lý bảo vệ tốt và ngược lại.

#### *2.3. Quan hệ và phối hợp với người dân*

- Thường xuyên tổ chức họp, tuyên truyền và vận động người dân sống gần rừng và các tổ chức đoàn hội địa phương tham gia, góp ý để thực hiện tốt phương án quản lý rừng bền vững.

- Ưu tiên sử dụng lao động địa phương trong các hoạt động sản xuất lâm nghiệp của Công ty đảm bảo đầy đủ mọi quyền lợi của người lao động theo luật pháp quy định. (Luật lao động, Công ước ILO).

- Tuyên truyền giáo dục nhân dân, phát huy sâu rộng ý thức của nhân dân cùng tham gia công tác bảo vệ rừng, tham gia hợp tác trồng rừng thông qua hợp đồng kinh tế, sẵn sàng phối hợp với các lực lượng chuyên trách để ngăn chặn có hiệu quả các hành vi phá rừng trái phép.

- Đào tạo nhằm nâng cao kiến thức khoa học kỹ thuật cho người lao động, bằng biện pháp phổ cập hoặc tập huấn các quy trình kỹ thuật lâm nghiệp.

- Thông báo các quy định về giải quyết mâu thuẫn, tranh chấp, quy định cộng đồng, để người dân được biết và cùng phối hợp với Công ty trong việc thực hiện công tác quản lý bảo vệ rừng và đất rừng.

- Công ty tôn trọng quyền sử dụng đất của các cộng đồng dân cư và các bên liên quan. Công ty chỉ sử dụng đất của các cộng đồng dân cư và các bên liên quan khi có sự đồng ý tự nguyện, bằng văn bản của họ.

- Công ty ủng hộ địa phương xây dựng các công trình phúc lợi như: nhà tình thương, đường giao thông, góp phần cải thiện, nâng cao chất lượng cuộc sống cho người dân địa phương.

#### **2.4. Phương thức giải quyết mâu thuẫn với các bên liên quan**

- Công ty không tiến hành các hoạt động sản xuất lâm nghiệp khi có mâu thuẫn xảy ra tại các diện tích có yêu sách đòi đất, lãnh thổ hoặc quyền truyền thống mà chưa nhận được sự đồng thuận của người dân địa phương và các bên liên quan khác.

- Trước khi tiến hành các hoạt động quản lý rừng có khả năng gây thiệt hại, mất mát và các tác động tiêu cực khác ảnh hưởng tới người dân địa phương; Công ty sẽ thỏa thuận, tìm hướng giải quyết hợp lý, nếu các hoạt động đó gây ảnh hưởng bất lợi thì sẽ bồi thường thiệt hại.

- Trong hoạt động quản lý rừng Công ty áp dụng Quy trình giải quyết mâu thuẫn, khiếu nại trong quản lý, bảo vệ rừng trồng.

- Thành lập các lực lượng tham gia với chính quyền địa phương phòng cháy chữa cháy rừng (sử dụng lực lượng bảo vệ rừng của Công ty).

### **3. Khoa học công nghệ**

- Ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến về giống cây trồng và biện pháp kỹ thuật lâm sinh, quản lý đất đai với các phân mềm chuyên ngành có độ chính xác cao để mang lại hiệu quả. Cụ thể thực hiện việc chọn lọc giống mới cho năng suất cao phù hợp với sinh thái và điều kiện cây trồng ở địa phương.

### **4. Đào tạo nguồn nhân lực**

- Hàng năm Công ty đưa cán bộ đi tập huấn (thiết kế, kỹ thuật lâm sinh, tham quan các mô hình điểm, công tác giống) do các chương trình, Dự án tổ chức.

- Từng bước quy hoạch cán bộ, bố trí sắp xếp đúng khả năng chuyên môn và nghiệp vụ của từng cán bộ công nhân viên.

### **5. Tài chính và tín dụng**

Sử dụng nguồn vốn tự có từ quỹ đầu tư phát triển của Công ty và nguồn vốn vay.

Phân bổ dự toán đầu tư hàng năm theo đúng từng hạng mục công trình, đảm bảo sử dụng vốn đúng mục đích như: trồng rừng, chăm sóc rừng, quản lý bảo vệ rừng, xây dựng; nâng cấp đường vận chuyển:

### **6. Giải pháp giảm thiểu tác động của hoạt động lâm nghiệp đối với rừng có giá trị bảo tồn cao, các loài cây, con quý hiếm**

- Đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công nhân công ty, cán bộ địa phương (lãnh đạo các xã lân cận, cán bộ lâm nghiệp cấp huyện và xã) hiểu biết về đa dạng sinh học và rừng có giá trị bảo tồn cao (HCV), các biện pháp bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý HCV.

- Phối hợp với cơ quan chức năng và chính quyền địa phương trong việc tuần tra bảo vệ rừng tự nhiên, truyền truyền giáo dục về bảo vệ rừng, bảo vệ các loài động vật hoang dã; đặt các biển báo bảo vệ rừng.

- Giảm thiểu các tác động môi trường từ kinh doanh rừng trồng như tiếng ồn, lửa rừng, chất thải của máy móc.

- Ngăn chặn các hoạt động săn bắt động vật trong quá trình tham gia các hoạt động kinh doanh rừng của Công ty.

- Xây dựng các biện pháp phòng cháy chữa cháy rừng. Với mùa khô kéo dài nên nguy cơ cháy rừng rất cao. Bởi vậy công ty sẽ xây dựng các biện pháp thích hợp để phòng cháy chữa cháy rừng như: xây dựng các biển báo cháy rừng;

## **7. Các giải pháp bảo vệ môi trường**

### **7.1. Trong khai thác**

- Công tác xây dựng đường vận xuất, khai thác rừng cần tiến hành vào mùa khô.  
- Đường vận chuyển, đường vận xuất phải có rãnh biên dẫn nước không để cho nước chảy dọc tuyến đường là nguyên nhân chính gây ra xói mòn đất và phá hỏng đường.

- Giữa đường vận chuyển và suối nước phải có hành lang bảo vệ suối tùy theo mức độ rộng của suối và độ dày thảm thực vật mà có khoảng cách phù hợp.

- Ở những đoạn đường dốc phải có rãnh thoát nước ngang tránh cho nước chảy dọc theo đường ở đoạn dài làm phá vỡ mái taluy.

- Định kỳ chăm sóc bảo dưỡng đường để đường không bị đọng nước gây lầy lội tắc nghẽn giao thông.

- Các dụng cụ, thiết bị máy móc sử dụng khi khai thác, vận chuyển gỗ, chuẩn bị đất trồng rừng phải được chăm sóc, bảo dưỡng để luôn luôn có trạng thái kỹ thuật tốt, tránh bị hỏng hóc phải sửa chữa trong rừng làm rò rỉ dầu trong lô rừng cũng như giảm lượng chất thải.

- Rác thải trên đường vận chuyển trong đó có vỏ cây, rác thải của công nhân khai thác trong lô khai thác, phải thu gom vào một địa điểm nhất định để xử lý.

- Tại các khu vực địa hình có độ dốc lớn, có khả năng xói mòn và rửa trôi cao thì không khai thác vượt quá 50ha liền khu liền khoảnh để tránh việc thay đổi sinh cảnh của khu vực và giảm thiểu sự xói mòn đất. Nếu hiện trường khai thác có độ dốc trên 25<sup>0</sup> thì không được mở đường quá mật độ.

- Trước, trong và sau hoạt động khai thác đều phải đánh giá tác động môi trường. Trên cơ sở kết quả đánh giá tác động môi trường, đề xuất biện pháp hoạt động để điều chỉnh các hoạt động bảo vệ trong phương án quản lý rừng.

- Duy trì công tác giám sát việc tuân thủ duy tu bảo dưỡng đường lâm nghiệp, khai thác rừng, an toàn lao động.

- Nhà thầu, đơn vị thi công khai thác và lái xe vận chuyển lâm sản phải tuân thủ theo quy trình khai thác của Công ty.

### **7.2. Trong vườn ươm**

- Tuyệt đối không sử dụng hóa chất FSC và Việt Nam cấm, tuân thủ đúng quy trình sử dụng hóa chất Công ty ban hành.

- Rác thải rắn như túi bầu, túi nilon, vỏ chai, bao bì phải được thu gom đúng nơi quy định để giao cho các công ty môi trường xử lý theo quy định.

- Cấm sử dụng hoá chất khi sắp có mưa to, khi thời tiết ẩm ướt và tại các diện tích đất khô hạn.

- Cấm việc ngâm cây con đã được xử lý hóa chất trong cống hay kênh rạch, sông suối trước khi trồng.

- Không chôn lấp các loại hóa chất và rác thải rắn trên hiện trường sản xuất mà phải thu gom đưa đến các cơ quan có chức năng xử lý và không thực hiện việc chuyển rác thải, hóa chất tại các kênh rạch, sông suối.

- Duy trì công tác giám sát các công việc tại vườn ươm, việc sử dụng hóa chất, an toàn vệ sinh lao động.

### **7.3. Trong trồng rừng, chăm sóc rừng**

- Trong khâu chuẩn bị hiện trường trồng rừng, sử dụng phương pháp thu, gom, băm nhỏ hoặc đốt cục bộ thực bì có kiểm soát.

- Ở hai bên bờ suối phải chừa ra hành lang bảo vệ với chiều rộng tùy thuộc vào chiều rộng lòng suối, độ dốc hai bên bờ suối.

- Rác thải của các hoạt động sản xuất lâm nghiệp như túi bầu, túi đựng cây phải thu gom đem về để giao cho công ty môi trường xử lý theo quy định.

- Không sử dụng thuốc trừ sâu trong công tác trồng và chăm sóc rừng.

- Duy trì công tác giám sát các công việc trong trồng, chăm sóc rừng, tuân thủ việc sử dụng hóa chất, an toàn vệ sinh lao động.

### **8. Cơ sở điều chỉnh kế hoạch kinh doanh**

Công ty sẽ dựa vào các yếu tố sau để xem xét và điều chỉnh các hoạt động kinh doanh của năm sau cho phù hợp:

- Công ty sẽ dựa vào kết quả giám sát hàng năm các hoạt động sản xuất kinh doanh: Vườn ươm, trồng, chăm sóc, bảo vệ, khai thác, đánh giá tác động kinh tế, xã hội, môi trường, rừng có giá trị bảo tồn cao.

- Phản hồi của các bên liên quan đến tất cả các lĩnh vực.

- Thông tin về kết quả áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật mới vào sản xuất.

- Thông tin về kinh tế xã hội môi trường mới của địa phương.

Thời gian điều chỉnh 01 năm 01 lần.

## **VIII. ĐÁNH GIÁ HIỆU QUẢ CỦA PHƯƠNG ÁN**

### **1. Hiệu quả kinh tế**

Căn cứ diện tích, sản lượng, kế hoạch khai thác, giá nguyên liệu, giá bán sản phẩm chế biến tại thời điểm cập nhật phương án 2026; Công ty xây dựng kế hoạch doanh thu cho từng năm và cả luân kỳ. Dự kiến nhu cầu vốn, doanh thu và hiệu quả khi thực hiện phương án (từ 2022- 2036) như sau:

- Tổng nhu cầu vốn đầu tư khi triển khai phương án: 132,729 tỷ đồng.

- Tổng doanh thu của doanh nghiệp: 186.976 tỷ đồng

- Dự kiến Hiệu quả sau khi kết thúc giai đoạn phương án: 54,247 tỷ đồng

Như vậy có thể thấy hiệu quả kinh tế mang lại khi thực hiện dự án đảm bảo được doanh thu và lợi nhuận mang lại cho Công ty, từ đó tạo nguồn lực kinh tế phát triển cho Công ty và thu nhập cho người lao động của Công ty.

### **2. Hiệu quả xã hội**

Đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh của Forexco, người dân được tham gia và cùng hưởng lợi với Công ty trong nhiều năm qua. Thông qua hoạt động giao khoán trồng, chăm sóc, QLBV rừng Keo cho người dân quanh vùng, Forexco đã góp phần cải thiện cuộc sống của người dân, đem lại công ăn việc làm cho người dân. Mỗi hộ gia đình có một một hồ sơ sao nhận khoán rừng Keo, Công ty đầu tư kinh phí và kỹ thuật để người dân có thể tự sản xuất trên chính mảnh đất họ được giao khoán, khi thu hoạch, sẽ cùng ăn chia hưởng lợi với tỷ

lệ từ 30-40%. Ngoài ra khi được hưởng lợi từ rừng trồng, người dân đã hạn chế tác động đến rừng tự nhiên.

### **3. Hiệu quả môi trường**

Vừa kinh doanh hiệu quả kinh tế xã hội, vừa bảo vệ môi trường, nâng cao độ che phủ rừng của Công ty một cách bền vững để phát huy chức năng của rừng như: rừng phòng hộ môi trường, cảnh quan du lịch, bảo tồn, duy trì nguồn nước sạch cho sinh hoạt, hạn chế xói mòn đất, phòng hộ, giữ nước cho các hồ, đập chứa nước tưới cho sản xuất nông nghiệp của người dân địa phương. Thường xuyên tuần tra, canh gác phòng chống cháy rừng, đặc biệt hàng năm phải có phương án, quy trình phòng chống cháy, đặc biệt cho khu rừng thông đang khai thác nhựa, các hoạt động lâm sinh hạn chế tối đa ảnh hưởng đến môi trường sinh thái của người dân trong vùng. Lên kế hoạch cụ thể cho việc khoanh nuôi bảo vệ, trồng mới đối với các diện tích băng xanh vùng đệm phù hợp với Tiêu chuẩn của FSC®

### **4. Tổng hợp đánh giá tính bền vững về kinh tế, sinh thái, xã hội trong hoạt động kinh doanh lâm nghiệp của Công ty**

- **Kinh tế:** Hiện nay cơ cấu loài cây trồng của Forexco chủ yếu là 4 loài cây chính: Keo, Thông, Cây bản địa Sao đen, Huỷnh, Lim Xanh. Trong 4 loài cây này thì Keo là cây đem lại nguồn thu tài chính chủ lực, ngoài ra Thông và Sao đen, Huỷnh, Lim Xanh với chức năng chính là bảo tồn và nâng cao giá trị đa dạng sinh học. Tuy nhiên, hàng năm Nhựa Thông vẫn đem lại nguồn thu đáng kể từ hoạt động khai thác nhựa.

Ngoài ra, từ hoạt động sản xuất kinh doanh cây Keo còn đem lại khoản thu nhập từ việc lấy củi, dược liệu, mật ong... cho người dân quanh vùng.

#### **Sinh thái:**

Forexco đã quy hoạch trồng mới và bảo tồn đến 12/2025: 58,64 ha bao gồm giữ nguyên hiện trạng thực bì và trồng bổ sung cây bản địa Sao đen tại các lô rừng Thông trong lâm phận mà Công ty quản lý. Diện tích này được gọi là Khu vực băng xanh vùng đệm và được đánh dấu trên bản đồ và thực địa nhằm cảnh báo khu vực được bảo vệ, không được tác động. Ngoài ra, năm 2022 công ty đã quy hoạch thêm 84,2 ha rừng Thông bảo vệ không khai thác và 21,72 ha rừng Thông khai thác cường độ thấp nhằm phục hồi và bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên trên lâm phận Công ty.

Tuy nhiên, để tăng cường đa dạng sinh thái rừng, Công ty thực hiện phương án trồng thử nghiệm một số loài cây bản địa như: Huỷnh, phối hợp cùng hộ liên kết trồng một số loài cây bản địa, gỗ lớn: Lim Xanh, Sao đen.

#### **Xã hội:**

Đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh của Forexco, người dân được tham gia và cùng hưởng lợi với Công ty trong nhiều năm qua. Thông qua hoạt động giao khoán trồng, chăm sóc, QL BV rừng Keo cho người dân quanh vùng, Forexco đã góp phần cải thiện cuộc sống của người dân, đem lại công ăn việc làm cho người dân. Mỗi hộ gia đình có một một hồ sơ sao nhận khoán rừng Keo, Công ty đầu tư kinh phí và kỹ thuật để người dân có thể tự sản xuất trên chính mảnh đất họ được giao khoán, khi thu hoạch, sẽ cùng ăn chia hưởng lợi với tỷ lệ từ 30-40%.

**P.GIÁM ĐỐC (đã ký)**

Trịnh Tuấn Nguyên Khương